

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Du

2. Ông Nguyễn Văn Trình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 93/2023/TLST - HNGĐ ngày 13/4/2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm: 1983; địa chỉ cư trú: Số 45 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *có mặt tại phiên tòa.*

2. *Bị đơn:* Ông Mai Việt H, sinh năm: 1977; địa chỉ cư trú: Số 45 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2023, bản tự khai ngày 10/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Việt H kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (số 55/2012, quyền số 05 ngày 23/3/2012). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà sống tại đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng đến năm 2022 thì làm nhà ở tại phường H, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2021. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cãi vã lời qua tiếng lại về vấn đề tiền bạc, ông H thậm chí còn đánh đập bà. Hiện nay bà và ông H đã sống ly thân với nhau, mặc dù sống chung một nhà nhưng không nói chuyện, vợ chồng phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn

yêu thương, bà không còn tình cảm gì với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Mai Việt H.

- Về con chung: Bà xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Mai Lê Hoàng Y, sinh ngày 07/12/2012 và Mai Lê Hoàng T, sinh ngày 20/9/2021. Ly hôn, bà có nguyện vọng được nhận chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:*

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thu, xử cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Mai Việt H.

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Mai Lê Hoàng Y, sinh ngày 07/12/2012 và Mai Lê Hoàng T, sinh ngày 20/9/2021 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Mai Việt H cư trú tại địa chỉ số 45 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Bị đơn ông Mai Việt H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị T và ông Mai Việt H kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại địa chỉ đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng đến năm 2022 thì về sống tại số 45 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Theo bà T, ngay sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lời qua tiếng lại về vấn đề tiền bạc, ông H thậm chí còn đánh đập bà. Đồng thời, trước khi kết hôn với ông H bà đã có một con riêng, con riêng của bà cùng sống chung với bà và ông H, khi vợ chồng mâu thuẫn ông H thường trút giận lên con riêng của bà. Nay bà T nhận thấy bà và ông H không thể tiếp tục chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà không còn yêu thương ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Xét thấy: Qua lời khai của bà T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Lê Thị T và ông Mai Việt H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên có lời qua tiếng lại, vợ chồng sống không hạnh phúc. Mặc dù, sống chung trong một nhà nhưng phần ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hoà giải nhưng ông H không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ ông H không quan tâm, không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Mai Việt H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] *Về con chung:* Bà T và ông H có 02 con chung tên Mai Lê Hoàng Y, sinh ngày 07/12/2012 và Mai Lê Hoàng T, sinh ngày 20/9/2021. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, việc giao con chung cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, để con phát triển toàn diện về mặt thể chất và tinh thần. Hiện nay hai cháu Mai Lê Hoàng Y và Mai Lê Hoàng T là con gái, còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Đồng thời, cháu Mai Lê Hoàng Y đã đủ 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Mai Lê Hoàng T, sinh năm 2021

dưới 36 tháng tuổi. Bà T làm nghề buôn bán, thu nhập một tháng khoảng 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do vậy, việc giao cả 02 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Do bà Lê Thị T không yêu cầu ông Mai Việt H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Về nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Mai Việt H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Mai Lê Hoàng Y, sinh ngày 07/12/2012 và Mai Lê Hoàng T, sinh ngày 20/9/2021 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Mai Việt H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Lê Thị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009449 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Mai Việt H vắng mặt tại

phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Cẩm Lệ;
- CCTHADS Q.Cẩm Lệ;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Khánh Bắc;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Hằng

